

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



**DRI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ III NĂM 2017**

Buôn Ma Thuột, tháng 10 năm 2017





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tỷ giá: vnd/lak

0.3597

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>49,299,733,056</b>	<b>83,720,615,246</b>
<b>I.</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (110=111+112)</b>	<b>110</b>		<b>5,345,506,813</b>	<b>33,533,482,532</b>
1.	Tiền	111		5,345,506,813	33,533,482,532
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III.</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (130=131+132+133+134)</b>	<b>130</b>		<b>2,358,170,812</b>	<b>13,159,596,244</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	6,158,507,383
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		719,900,801	361,229,027
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136		1,638,270,011	6,639,859,834
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		-	-
<b>IV.</b>	<b>HÀNG TỒN KHO (140=141+149)</b>	<b>140</b>		<b>39,298,345,963</b>	<b>25,710,318,984</b>
1.	Hàng tồn kho	141		39,298,345,963	25,710,318,984
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC (150=151+152+154+155)</b>	<b>150</b>		<b>2,297,709,467</b>	<b>11,317,217,486</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		282,502,544	15,060,445
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2,015,206,923	1,866,349
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	11,300,290,692
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,413,935,909,067</b>	<b>1,334,066,229,188</b>
<b>I.</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN (210=211+212+213+214+215)</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
<b>II.</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (220=221+224+227+230)</b>	<b>220</b>		<b>1,197,418,728,335</b>	<b>1,121,940,595,750</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình (221=222+223)	221		1,196,925,283,660	1,121,430,003,195
	- Nguyên giá	222		1,484,591,154,705	1,347,860,830,565
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(287,665,871,046)	(226,430,827,370)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính (224=225+226)	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình (227=228+229)	227		493,444,675	510,592,555
	- Nguyên giá	228		1,020,129,029	972,293,728
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(526,684,354)	(461,701,173)
<b>IV.</b>	<b>TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (240=241+242)</b>	<b>240</b>		<b>202,164,187,921</b>	<b>198,624,728,170</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202,164,187,921	198,624,728,170
<b>V.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC (260=261+262+263+268)</b>	<b>260</b>		<b>14,352,992,810</b>	<b>13,500,905,268</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		14,352,992,810	13,500,905,268
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,463,235,642,123</b>	<b>1,417,786,844,434</b>

60  
 C  
 C  
 AU  
 Đ  
 VA



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

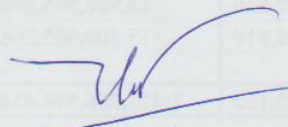
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk


### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>589,312,171,914</b>	<b>675,059,821,892</b>
<b>I.</b>	<b>NỢ NGẮN HẠN (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319)</b>	<b>310</b>	<b>178,653,797,279</b>	<b>256,208,796,403</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	898,937,340	2,801,586,451
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4,364,102,031	71,266,639
3.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1,246,212,013	1,413,697,468
4.	Phải trả người lao động	314	19,870,486,819	30,738,072,196
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5,681,952,461	7,806,089,331
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	2,892,371,182	7,154,398,999
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	143,699,735,435	206,223,685,319
<b>II.</b>	<b>NỢ DÀI HẠN (330=331+332+333+334+335+336+337+338+339)</b>	<b>330</b>	<b>410,658,374,634</b>	<b>418,851,025,489</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3.	Chi phí trả trước dài hạn	333	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	410,658,374,634	418,851,025,489
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>873,923,470,209</b>	<b>742,727,022,542</b>
<b>I.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (410=411+412+413+414+415+416+417+418)</b>	<b>410</b>	<b>873,923,470,209</b>	<b>742,727,022,542</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	732,000,000,000	732,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	732,000,000,000	-
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	106,140,991,675	37,439,741,854
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35,782,478,535	(26,712,719,312)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20,500,428,634	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	15,282,049,900	-
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>E.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1,463,235,642,123</b>	<b>1,417,786,844,434</b>

Buôn Ma Thuột, ngày 16 tháng 10 năm 2017



  
Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởng

  
Lê Thanh Cần  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND 0,3:597

Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ ngày 01/07/2016 đến 30/09/2016	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Lũy kế từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137,884,719,063	108,928,411,159	414,006,308,601	249,060,032,728
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	114,970,809	-	114,970,809	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	137,769,748,254	108,928,411,159	413,891,337,792	249,060,032,728
4	Giá vốn hàng bán	78,280,290,512	77,002,265,582	231,712,659,410	192,506,487,442
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>59,489,457,743</b>	<b>31,926,145,577</b>	<b>182,178,678,383</b>	<b>56,553,545,286</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,342,690,723	342,619,171	1,961,196,045	4,029,406,907
7	Chi phí tài chính	14,327,036,761	14,162,350,362	34,389,275,765	42,866,601,569
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	9,313,969,688	13,206,487,636	29,205,597,641	41,297,406,579
8	Phản lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
9	Chi phí bán hàng	2,663,948,307	1,485,446,311	5,442,143,882	3,252,658,114
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,127,778,786	3,016,848,240	16,297,138,877	9,555,928,264
11	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(25+26)]</b>	<b>39,713,384,612</b>	<b>13,604,119,835</b>	<b>128,011,315,904</b>	<b>4,907,764,246</b>
12	Thu nhập khác	996,501,251	1,167,704,582	996,501,251	1,167,704,582
13	Chi phí khác	23,824,503,595	405,850,482	23,872,997,904	29,687,683,056
14	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>(22,828,002,344)</b>	<b>761,854,101</b>	<b>(22,876,496,053)</b>	<b>(28,519,978,473)</b>
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>16,885,382,268</b>	<b>14,365,973,935</b>	<b>105,134,819,251</b>	<b>(23,612,214,228)</b>
16	Chi phí TNDN hiện hành	1,378,847,189	1,742,854,578	5,815,136,226	3,985,208,668
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	224,485,179	-	224,485,179	-
18	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>15,282,049,900</b>	<b>12,623,119,357</b>	<b>99,095,197,847</b>	<b>(27,597,422,896)</b>
18.1	LNST của cổ đông Công ty mẹ	15,282,049,900	12,623,119,357	99,095,197,847	(27,597,422,896)
18.2	LNST của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
19	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>209</b>	<b>172</b>	<b>1,354</b>	<b>(377)</b>
20	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Lê Thanh Cường**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Thanh Căn**  
**Tổng Giám đốc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	105,134,819,251	(23,612,214,228)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	45,605,884,778	40,356,158,965
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8,499,991,151	(3,543,379,333)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1,261,739,836	44,171,704,888
- Chi phí lãi vay	06	29,205,597,641	41,297,406,579
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	189,708,032,657	98,669,676,872
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20,550,651,957	(29,400,214,139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13,588,026,979)	(2,958,211,138)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(20,053,603,138)	68,208,321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(852,087,542)	5,024,794,423
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(35,699,882,850)	(37,590,298,140)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7,891,882,168)	(3,899,965,981)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>132,173,201,937</b>	<b>29,913,990,217</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4,264,231,662)	(12,029,486,864)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,006,231,582	15,393,252,146
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3,258,000,081)</b>	<b>3,363,765,282</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

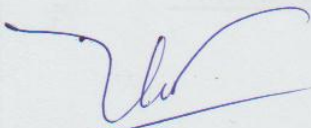
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

0

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	218,310,825,972	194,480,305,114
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(340,274,587,748)	(239,444,583,897)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35,529,348,575)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(157,493,110,351)</b>	<b>(44,964,278,783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(28,577,908,495)</b>	<b>(11,686,523,284)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>33,533,482,532</b>	<b>12,839,708,200</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	389,932,777	(129,373,933)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5,345,506,813</b>	<b>1,023,810,983</b>

  
Lê Thanh Cường  
Kế toán trưởng



Lê Thanh Cần  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2017

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (công ty mẹ) và Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Trồng cây công nghiệp – chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mù cao su, gỗ cao su, điều và cà phê để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

#### 4. Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkse – tỉnh Chămpasăk, Lào	100%	100%

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Các Công ty trong tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

##### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

##### *Giấy chứng nhận ISO*

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

#### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 01/01/2017 : 22.710 VND/USD  
0,3886 LAK/VND

30/09/2017 : 22.690 VND/USD  
0,3597 LAK/VND

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **17. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	580.621.713	294.038.621
Tiền gửi ngân hàng	4.764.885.100	33.239.443.911
Các khoản tương đương tiền		
<b>Cộng</b>	<b><u>5.345.506.813</u></b>	<b><u>33.533.482.532</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Giảm phí đầu tư hạng mục XD nhà máy (Theo Kiểm toán Nhà nước)		3.927.854.990
CS Centrottrade Singapore Pte. Ltd. (Singapore)		2.006.743.016
Thái mua túi PE thiếu hóa đơn ghi Nợ TK 131 (Theo Kiểm toán Nhà nước)		223.909.377
<b>Cộng</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>6.158.507.383</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty kiểm toán AFC	121.000.000	
Trung tâm NCKH & ĐT chứng khoán	15.000.000	
Lê Văn Yên- xây dựng	259.458.830	
Công ty vận chuyển quốc tế PK	210.308.590	177.753.474
Trả trước khác	114.133.381	183.475.553
<b>Cộng</b>	<b><u>719.900.801</u></b>	<b><u>361.229.027</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>30/09/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước		-	5.411.402.102	-
Bảo hiểm xã hội		-	3.003.054	-
Tạm ứng của nhân viên	1.358.375.794		807.453.463	
Thu tiền bán thanh lý nhà máy đá	250.208.507			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	29.685.710	-	418.001.215	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.638.270.011</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.639.859.834</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>30/09/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.933.046.199	-	5.805.371.092	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.623.236.067	-	3.078.538.770	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	19.742.063.698	-	16.826.409.122	-
<b>Cộng</b>	<b>39.298.345.963</b>	<b>-</b>	<b>25.710.318.984</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

Thuế GTGT được khấu trừ và thuế TNDN nộp thừa.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	177.941.412.319	68.455.597.900	31.173.414.555	2.566.926.355	1.067.723.479.436	1.347.860.830.565
Mua sắm mới		1.561.964.545	2.668.906.539	77.286.628		4.308.157.712
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					27.611.447.773	27.611.447.773
Thanh lý, nhượng bán	838.296.739	2.299.130.74		296.216.100	85.753.939	3.519.397.520
Chênh lệch tỷ giá (*)	14.296.655.043	5.500.046.645	2.504.619.626	242.838.627	85.785.956.235	108.330.116.177
<b>Số cuối năm</b>	<b>191.399.770.622</b>	<b>73.218.478.348</b>	<b>36.346.940.720</b>	<b>2.590.835.510</b>	<b>1.181.035.129.505</b>	<b>1.484.591.154.705</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	71.309.713.726	34.516.632.473	19.842.484.856	2.495.956.747	98.266.039.568	226.430.827.370
Khấu hao trong năm	8.358.627.278	5.271.923.314	1.884.647.100	84.030.204	29.958.416.055	45.557.643.952
Thanh lý, nhượng bán	219.575.897	1.921.970.275		296.216.100	25.237.381	2.462.999.652
Chênh lệch tỷ giá (*)	5.729.359.852	2.773.229.581	1.594.239.092	148.412.240	7.895.158.611	18.140.399.376
<b>Số cuối năm</b>	<b>85.178.124.960</b>	<b>40.639.815.093</b>	<b>23.321.371.048</b>	<b>2.432.183.092</b>	<b>136.094.376.853</b>	<b>287.665.871.046</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	106.631.698.593	33.938.965.427	11.330.929.699	70.969.608	969.457.439.868	1.121.430.003.195
<b>Số cuối năm</b>	<b>106.221.645.662</b>	<b>32.578.663.255</b>	<b>13.025.569.672</b>	<b>158.652.418</b>	<b>1.044.940.752.652</b>	<b>1.196.925.283.660</b>

(\*) Do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận ISO	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	376.918.020	595.375.708	972.293.728
Chênh lệch tỷ giá (*)		47.835.301	47.835.301
<b>Số cuối năm</b>	<b>376.918.020</b>	<b>643.211.009</b>	<b>1.020.129.029</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	253.319.675	208.381.498	461.701.173
Khấu hao trong năm		48.240.826	48.240.826
Chênh lệch tỷ giá (*)		16.742.355	16.742.355
<b>Số cuối năm</b>	<b>253.319.675</b>	<b>273.364.679</b>	<b>526.684.354</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	123.598.345	386.994.210	510.592.555
<b>Số cuối năm</b>	<b>123.598.345</b>	<b>369.846.330</b>	<b>493.444.675</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Vườn Cao su	185.056.044.015	184.962.126.294
Vườn Café	13.641.614.604	12.627.094.115
Vườn rừng	1.118.705.354	1.035.507.761
Đầu tư xây dựng khác	2.347.823.948	
<b>Cộng</b>	<b><u>202.164.187.921</u></b>	<b><u>198.624.728.170</u></b>

9.

### 10. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào.

Theo Quyết định số 2488/GP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Giấy phép đầu tư nước ngoài số 111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp, Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk đầu tư vào Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào 25.000.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Trụ sở Công ty tại Việt Nam	101.904.982	301.060.217
Văn phòng tại Lào	851.567.973	36.917.997
Nông trường 1	1.823.335.660	2.386.688.160
Nông trường 2	1.298.382.699	1.457.514.180
Nông trường 3	7.817.521.081	7.667.519.710
Nông trường 4	786.490.876	653.597.727
Xí nghiệp chế biến mù	1.673.789.539	997.607.277
<b>Cộng</b>	<b><u>14.352.992.810</u></b>	<b><u>13.500.905.268</u></b>

### 12. Phải trả người bán

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty Mah Sing Plastic Industries SDN.BHD		249.793.433
Công ty Xuất Nhập Khẩu KhoneSaVanh		82.218.219
Công ty CP Cát Lái	34.468.365	206.272.182
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	463.710.286	41.303.471
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co.Ltd		1.477.097.272
Công ty TNHH SX-TM-DV H&K	109.030.859	54.054.555
Công ty TNHH Xây dựng cầu đường số 1	254.656.658	368.890.067
Văn phòng công nhận chất lượng		46.116.284
Các nhà cung cấp khác	37.071.170	275.840.968
<b>Cộng</b>	<b><u>898.937.339</u></b>	<b><u>2.801.586.451</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
ZHEJIANG YIPENG TRADING CO., LTD	2.604.197.943	
Tan An Thinh Viet Nam Computer company limited	1.759.904.088	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.364.102.031</u></b>	

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá (*)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	28.270.422				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(119.329.112)	6.031.696.747	7.910.225.771	(35.692.390)	(2.015.206.923)
Thuế thu nhập cá nhân	1.466.289.400	5.983.282.735	6.321.168.751	117.808.628	1.246.212.013
Tiền thuế đất		1.403.680.434	1.403.680.434		0
Các loại thuế khác	38.466.758		41.577.359	3.090.601	0
<b>Cộng</b>	<b><u>1.413.697.468</u></b>	<b><u>13.418.659.916</u></b>	<b><u>15.688.830.514</u></b>	<b><u>85.206.839</u></b>	<b><u>768.994.911</u></b>

(\*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong năm. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Đối với Công ty con, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mủ, sau đó phải nộp thuế lợi tức tính trên doanh thu bán thành phẩm với tỷ suất 5% và thuế suất 20%.

Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 09/2017 và lương hiệu quả kinh doanh còn phải trả cho người lao động.

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Văn phòng công ty	633.344.772	526.398.533
Nông trường 1	5.868.368.245	6.880.232.810
Nông trường 2	4.014.124.690	3.661.079.974
Nông trường 3	4.439.648.510	4.631.915.916



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nông trường 4	2.829.641.271	2.274.087.159
XNCB mù	1.323.929.241	1.119.908.580
Lương khác	643.807.295	11.477.977.617
Trụ sở Công ty tại Việt Nam	117.622.345	166.471.607
<b>Cộng</b>	<b>19.870.486.819</b>	<b>30.738.072.196</b>

**16. Chi phí phải trả**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Chi phí xây dựng cơ bản		121.690.152
Chi phí thuê đất liên kết	5.681.952.461	5.259.365.157
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường		1.921.243.857
Phí tư vấn pháp luật doanh nghiệp niêm yết		44.444.444
Chi phí phải trả khác		459.345.721
<b>Cộng</b>	<b>5.681.952.461</b>	<b>7.806.089.331</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		<b>6.391.565.862</b>
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk – Phải trả tiền lãi vay	1.556.964.712	6.391.565.862
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		<b>12.763.767</b>
Phải trả góp vốn chỉ thun	64.842.198	12.763.767
Thuế XDCB	332.262.193	-
Cổ tức 2017	327.871.125	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	610.430.954	750.069.370
<b>Cộng</b>	<b>2.892.371.182</b>	<b>7.154.398.999</b>

**18. Vay ngắn hạn và dài hạn****Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng			206.223.685.319	206.223.685.319
- Ngân hàng Việt Lào	59.245.555.296	59.245.555.296	63.304.168.811	63.304.168.811
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào	84.454.180.139	84.454.180.139	78.467.515.381	78.467.515.381
Vay dài hạn đến hạn trả			64.452.001.127	64.452.001.127
<b>Cộng</b>	<b>143.699.735.435</b>	<b>143.699.735.435</b>	<b>206.223.685.319</b>	<b>206.223.685.319</b>

**Vay dài hạn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn với các bên liên quan</b>				
- Cán bộ công nhân viên	0		65.204.671.572	65.204.671.572
- Công ty Dakruco	0		16.058.946.574	16.058.946.574
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>			49.145.724.998	49.145.724.998
- Ngân hàng công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào	410.658.374.634	410.658.374.634	353.646.353.917	353.646.353.917
<b>Cộng</b>	<b>410.658.374.634</b>	<b>410.658.374.634</b>	<b>418.851.025.489</b>	<b>418.851.025.489</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	732.000.000.000	92.548.142.480	(51.955.181.156)	772.592.961.324
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	21.639.891.663	21.639.891.663
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(55.108.400.626)	3.602.570.181	(51.505.830.445)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>37.439.741.854</b>	<b>(26.712.719.312)</b>	<b>742.727.022.542</b>
Số dư đầu năm nay	732.000.000.000	37.439.741.854	(26.712.719.312)	742.727.022.542
Lợi nhuận trong năm			99.095.197.847	99.095.197.847
Chia cổ tức trong năm			(36.600.000.000)	(36.600.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài		68.661.249.821		68.661.249.821
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>106.140.991.675</b>	<b>35.782.478.535</b>	<b>873.923.470.209</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu Cao su	137.884.719.063	108.928.411.159
Doanh thu khác	0	
<b>Cộng</b>	<b><u>137.884.719.063</u></b>	<b><u>108.928.411.159</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	78.280.290.512	77.002.265.582
Giá vốn khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>78.280.290.512</u></b>	<b><u>77.002.265.582</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	99.578.989	1.453.687
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		341.165.484
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.243.111.734	
Chiết khấu thanh toán		
<b>Cộng</b>	<b><u>1.342.690.723</u></b>	<b><u>342.619.171</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.313.969.688	13.206.487.636
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.023.928.085	795.524.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Chi phí tài chính khác	989.138.988	160.337.850
<b>Cộng</b>	<b><u>14.327.036.761</u></b>	<b><u>14.162.350.362</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	750.412.955	492.442.908
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	529.384.298	280.500.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.267.284	84.413.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.741.498	43.352.505
Các chi phí khác	378.142.271	584.737.380
<b>Cộng</b>	<b><u>2.663.948.307</u></b>	<b><u>1.485.446.311</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	1.576.001.557	1.412.408.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	957.853.835	361.310.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	618.003.025	523.444.418



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế, phí	5.787.470	75.416.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	688.406.660	322.446.907
Chi phí khác	281.726.239	321.821.273
<b>Cộng</b>	<b><u>4.127.778.786</u></b>	<b><u>3.016.848.240</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		95.554.951
Thu nhập khác	996.501.251	1.072.149.631
<b>Cộng</b>	<b><u>996.501.250</u></b>	<b><u>1.167.704.582</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	995.881.309	405.850.482
Chi phí khác	288.896.255	
Xử lý thiệt hại theo KTNN	22.539.726.030	
<b>Cộng</b>	<b><u>23.824.503.595</u></b>	<b><u>405.850.482</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

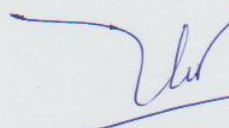
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.282.049.900	12.623.119.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	15.282.049.900	12.623.119.357
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>209</u></b>	<b><u>172</u></b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>73.200.000</u></b>	<b><u>73.200.000</u></b>

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

  
 Lê Thanh Cường  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Thanh Cần  
 Tổng Giám đốc
